UBND TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Tuyên Quang, ngày 5 tháng 7 năm 2026

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

I. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Tên chương trình đào tạo: Công nghệ sinh học
- Ngành, lĩnh vực đào tạo: Công nghệ sinh học
- Trình độ đào tạo: Đại học
- Hình thức đào tạo: Chính quy
- Quy mô tuyển sinh dự kiến: 30/năm
- Đơn vị quản lý chương trình đào tạo: Khoa Nông Lâm Ngư nghiệp

1. Đội ngũ giảng viên và nhân sự hỗ trợ

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Chức danh khoa học, trình độ	Chuyên môn được đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng			Mã số bảo hiểm	Số công trình khoa học đã công bố	
				Tuyển dụng		Hợp đồng		Trong nước	Nước ngoài
				Cơ hữu	Đồng cơ hữu				
1	Phan Thị Hồng Nhung 29/5/1985	Tiến sĩ	Triết học	x			0811000735	19	1
2	Trần Quang Huy 03/8/1978	Tiến sĩ	Triết học	x			1402002984	16	2
3	Hoàng Thị Trang 13/9/1989	Tiến sĩ	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x			0812004582	11	2
4	Hoàng Thị Tuyết Mai 10/6/1988	Thạc sĩ	Quản lý công	x			0811004529	8	0
5	Phạm Thục Anh	Thạc sĩ	Tiếng Anh	x			140200297920	11	2

	1/5/1979								
6	Tạ Thị Thanh Huyền 15/8/1984	Thạc sĩ	Phương pháp giảng dạy Tiếng Anh	x			2608017623	9	2
7	Nguyễn Thị Thuỳ Dung 1/6/1984	Thạc sỹ	SP Tiếng Anh	x			0811000728	11	5
8	Mai Thị Hiền 07/10/1984	Thạc sĩ	Toán học	x			0811002519	4	0
9	Nguyễn Thị Tuyết 12/04/1971	Thạc sĩ	Hóa học	x			1497012651	13	3
10	Trần Đức Đại 16/7/1980	Tiến sĩ	Hóa học	x			1406002149	7	2
11	Nguyễn Kiều Linh 17/11/1984	Thạc sĩ	Công nghệ sinh học	x			0808001231	8	0
12	Nguyễn Minh Anh Tuấn 02/7/1972	Tiến sĩ	Sinh học	x			1497016520	14	9
13	Hoàng Thị Lệ Thương 19/3/1985	Tiến sĩ	Sinh học	x			0811001421	15	6
14	Ninh Thị Bạch Diệp 11/12/1985	Tiến sỹ	Sinh học	x			0811000728	12	5
15	Trần Thị Thanh Vân 27/6/1984	Thạc sĩ	Công nghệ sinh học	x			0811000729	10	3
16	Đỗ Công Ba 04/9/1986	Tiến sĩ	Sinh thái học	x			0811000733	14	2
17	Quan Thị Dung 12/09/1985	Thạc sĩ	Sinh học	x			0812001656	9	1
18	Nguyễn Thị Dung 26/8/1990	Thạc sĩ	Công nghệ sinh học	x			0815001446	8	0
19	Vi Xuân Học 05/04/1970	Tiến sĩ	Khoa học cây trồng	x			1098017756	15	3
20	Hoàng Thị Thu Hoàn 22/5/1989	Tiến sĩ	Di truyền học	x			1401001898	10	4
21	Trần Thị Nhung 06/4/1978	Thạc sĩ	Khoa học cây trồng	x			140100189	13	3

22	Nguyễn Thị Minh Huệ 28/12/1974	Thạc sĩ	Trồng trọt	x			149801985	11	0
23	Lã Thị Thúy 28/8/1985	Thạc sĩ	Sinh học	x			0811000730	9	0
24	Phạm Thị Mai Trang 21/01/1981	Thạc sĩ	Bảo vệ thực vật	x			1405000276	17	2
25	Đào Thị Thu Hà 01/10/1989	Tiến sĩ	Lâm nghiệp	x			0812003771	10	9
26	Nguyễn Khánh Duy 12/10/1994	Thạc sĩ	Khoa học môi trường	x			0816005351	6	6
27	Trịnh Phương Ngọc 26/8/1991	Tiến sĩ	Khoa học môi trường	x			0820897343	12	9
28	Hoàng Anh Đào 03/07/1990	Tiến sĩ	Quản lý kinh tế	x			0820028238	19	17
29	Hà Thị Thu Trang 15/12/1988	Thạc sĩ	Lịch sử Đảng Cộng Sản Việt Nam	x			0812000349	14	3
30	Nguyễn Quang Hoài Châu 08/08/1978	Thạc sĩ	Triết học	x			1402002981	3	2
31	Phạm Thu Trà 08/04/1985	Thạc sĩ	Triết học	x			0810002261	11	2
32	Bàn Thị Hương Lan 02/12/1993	Thạc sĩ	Chính trị học	x			0816004739		
33	Bùi Thị Lan 28/09/1983	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	x			0210002746	6	0
34	Lương Thị Hải Hà 21/12/1983	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	x			1407003178	4	4
35	Lê Văn Hùng 23/11/1987	PGS.TS	Công nghệ thông tin	x			0112049648	7	50
36	Ma Thị Hồng Thu 12/10/1984	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	x			0809000610	9	5
37	Đỗ Hải Yến 05/04/1986	Tiến sĩ	Kinh tế	x			0812004581	16	13
38	Trần Thảo Nguyên 08/03/1989	Thạc sĩ	Luật Hiến pháp và Hành chính	x			0814002624	10	4

39	Lê Thiếu Tráng 08/04/1966	Tiến sĩ	Toán học	x			1496008831	13	6
40	Hoàng Tuấn Anh	Tiến sĩ	Nông nghiệp	x			0814001786	8	9
41	Trần Văn Quang	Tiến sĩ	Khoa học Nông nghiệp				0816004737	7	11

Ghi chú: *Kèm theo lý lịch khoa học, bằng cấp của các giảng viên toàn thời gian tham gia chương trình đào tạo*

2. Danh sách giảng viên toàn thời gian trình độ tiến sĩ hoặc chức danh giáo sư, phó giáo sư ngành phù hợp của chương trình đào tạo

TT	Họ tên	Trình độ/chuyên môn	Tham gia giảng dạy các chương trình đào tạo/trình độ đào tạo	Số học phần/ giờ chuẩn	Tên các học phần đảm nhận	Tổng số giờ chuẩn giảng dạy trong năm học
1	Hoàng Thị Thu Hoàn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Di truyền học	
2	Hoàng Thị Thu Hoàn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Sinh học phân tử	
3	Hoàng Thị Thu Hoàn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Công nghệ sinh học môi trường	
4	Hoàng Thị Thu Hoàn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Động vật học	
5	Hoàng Thị Thu Hoàn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Sinh lý người và động vật	
6	Hoàng Thị Thu Hoàn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Kỹ thuật di truyền	
7	Hoàng Thị Thu Hoàn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Miễn dịch học cơ sở	
8	Hoàng Thị Thu Hoàn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Công nghệ tế bào động vật	
10	Hoàng Thị Thu Hoàn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	2 tín chỉ/30 giờ	Sở hữu trí tuệ trong công nghệ sinh học	
11	Hoàng Thị Thu Hoàn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/	2 tín chỉ/30 giờ	Thực hành công nghệ sinh	

			Trình độ đại học		học nâng cao	
12	Hoàng Thị Lệ Thương	Tiến sĩ/Sinh học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Vi sinh vật đại cương	
13	Hoàng Thị Lệ Thương	Tiến sĩ/Sinh học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Công nghệ vi sinh ứng dụng	
14	Hoàng Thị Lệ Thương	Tiến sĩ/Sinh học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Công nghệ vaccine	
15	Hoàng Thị Lệ Thương	Tiến sĩ/Sinh học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Công nghệ lên men	
16	Hoàng Thị Lệ Thương	Tiến sĩ/Sinh học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Thực hành 2: Công nghệ vi sinh	
17	Nguyễn Minh Anh Tuấn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Sinh lý thực vật	
18	Nguyễn Minh Anh Tuấn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Công nghệ tế bào thực vật	
19	Nguyễn Minh Anh Tuấn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Thực hành 1: Công nghệ tế bào	
20	Nguyễn Minh Anh Tuấn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Công nghệ gen	
21	Nguyễn Minh Anh Tuấn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Hóa sinh học	
22	Nguyễn Minh Anh Tuấn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	2 tín chỉ/30 giờ	Sản xuất và nhân giống cây trồng	
23	Nguyễn Minh Anh Tuấn	Tiến sĩ/Di truyền học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	2 tín chỉ/30 giờ	Chọn tạo giống cây trồng	
24	Đỗ Công Ba	Tiến sĩ/Sinh học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Sinh thái học	
25	Đỗ Công Ba	Tiến sĩ/Sinh học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Sinh học phát triển	

26	Đỗ Công Ba	Tiến sĩ/Sinh học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Thực vật học	
27	Đỗ Công Ba	Tiến sĩ/Sinh học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	2 tín chỉ/30 giờ	An toàn sinh học	
28	Đỗ Công Ba	Tiến sĩ/Sinh học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	2 tín chỉ/30 giờ	Biện pháp sinh học bảo vệ thực vật	
29	Ninh Thị Bach Diệp	Tiến sĩ/Sinh học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Sinh học tế bào	
30	Ninh Thị Bach Diệp	Tiến sĩ/Sinh học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Tin sinh học	
31	Ninh Thị Bach Diệp	Tiến sĩ/Sinh học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Tiến hóa và đa dạng sinh học	
32	Ninh Thị Bach Diệp	Tiến sĩ/Sinh học	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	2 tín chỉ/30 giờ	Nhập môn Công nghệ sinh học	
33	Đào Thị Thu Hà	Tiến sĩ/Lâm sinh	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Phương pháp nghiên cứu khoa học	
34	Đào Thị Thu Hà	Tiến sĩ/Lâm sinh	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	2 tín chỉ/30 giờ	Công nghệ sinh học nấm ăn và nấm dược liệu	
35	Đào Thị Thu Hà	Tiến sĩ/Lâm sinh	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	2 tín chỉ/30 giờ	Nông nghiệp công nghệ cao	
36	Trần Văn Quang	Tiến sĩ/Khoa học nông nghiệp	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	2 tín chỉ/30 giờ	Công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp	
37	Trần Văn Quang	Tiến sĩ/Khoa học nông nghiệp	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Bảo vệ thực vật đại cương	
38	Trần Văn Quang	Tiến sĩ/Khoa học nông nghiệp	Công nghệ sinh học/ Trình độ đại học	3 tín chỉ/45 giờ	Bảo quản nông sản thực phẩm	

3. Năng lực nghiên cứu khoa học và đào tạo sau đại học

Nội dung	Kết quả

Số công bố WoS/Scopus 5 năm gần nhất	**23**
Số công bố bài báo/sách 5 năm gần nhất	**318**
Số đề tài NCKH Bộ	**6**
Số đề tài NCKH cơ sở	**125**
Số học viên cao học đã tốt nghiệp	**0**
Số NCS đã tốt nghiệp	**0**

4. Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu					
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	03	800 m^2	GDQP – An ninh1, 2, 3, 4; Tuần GCCD	Học kỳ 2 - năm thứ 1	
				Triết học Mác – Lênin	Học kỳ 2 - năm thứ 1	
				Kinh tế Chính trị Mác -Lênin	Học kỳ 3 - năm thứ 2	
				Chủ nghĩa Xã hội khoa học	Học kỳ 4 - năm thứ 2	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
				Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học kỳ 5 - năm thứ 3	
1.2	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	4	500 m^2	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Học kỳ 6 - năm thứ 3	
1.3	Số phòng học dưới 50 chỗ	5	350 m^2	Tiếng Anh 1	Học kỳ 1 - năm thứ 1	
				Tiếng Anh 2	Học kỳ 3 - năm thứ 2	
				Tiếng Anh 3	Học kỳ 4 - năm thứ 2	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	4	240 m^2	Tiếng Anh 1, Tiếng Anh 2, Tiếng Anh 3, Xác suất thống kê, Pháp luật đại cương, Hóa học đại cương, Sinh học đại cương, Sinh học tế bào, Di truyền học, Hóa sinh học, Vi sinh vật đại cương, Sinh học phân tử, Nhập môn công nghệ sinh học, Thực vật học , Động vật học, Phương pháp luận nghiên cứu khoa học, Sinh thái học, Sinh lý người và động vật, Sinh lý thực vật, Sinh học phát triển, Tiến hóa và đa dạng sinh học, An toàn sinh học, Bảo vệ thực vật cơ sở, Kỹ thuật di truyền, Tin sinh học Miễn dịch học cơ sở, Công nghệ tế bào thực vật , Công nghệ tế bào động vật , Công nghệ lên men, Công nghệ vi sinh ứng dụng, Công nghệ sinh học môi trường, Công nghệ vaccine Thực hành 1: Công nghệ tế bào, Thực hành 2: Công nghệ vi sinh, Nông nghiệp công nghệ cao, Bảo quản nông sản thực phẩm, Công	Các học kỳ	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m^2)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
				nghệ sinh học nấm ăn và nấm dược liệu, Chọn tạo giống cây trồng, Sở hữu trí tuệ trong công nghệ sinh học, Biện pháp sinh học bảo vệ thực vật, Công nghệ vi sinh vật trong sản xuất nông nghiệp , Sản xuất và nhân giống cây trồng, Thực hành công nghệ sinh học nâng cao.		
1.5	Số phòng học đa phương tiện	5	480 m^2	Tin học đại cương, Tiếng Anh1-3	Học kỳ 1, 2- năm thứ 1, Học kỳ 3, 4- năm thứ 2, Học kỳ 5, 6- năm thứ 3	
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	5	480 m^2		Các học kỳ	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	01	600 m^2	Các học phần	Các học kỳ	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	3	11.600 m^2	GDTC, GDQP-An ninh, Rèn nghề 1, Rèn nghề 2, Thực tập 1, Thực tập 2	Các học kỳ	

5. Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	*(2)*	*(3)*	*(4)*	*(5)*	*(6)*	*(7)*	*(8)*	*(9)*
Phòng thí	- Kính hiển vi điện tử - Mô hình người to		- 19 - 01					

nghiệm Sinh học	- Mô hình nửa người - Mô hình bộ xương người - Nồi hấp - Máy phát kích thích - Máy đo pH cầm tay - Tủ sấy - Máy lắc - Lò nung + Bộ điều khiển - Mô hình ếch - Mô hình gà - Mô hình lợn - Mô hình chim - Bình trưng cất nước - Bàn thí nghiệm hóa sinh - Bồn rửa hóa sinh - Bàn thực hành - Tủ nuôi cấy vi sinh - Tủ ấm - Cân phân tích - Bồn cách thuỷ 4 chỗ - Máy ly tâm 800 - Tủ lạnh - Cân tiểu ly - Bộ đồ mổ ĐVCXS - Bộ đồ mổ ĐVKXS - Kính lúp 50 mm - Kính lúp 100 mm - Ống trộn hồng cầu - Phông đếm hồng cầu - Huyết sắc Sali - Bộ dụng cụ lấy máu - Ống hút hồng cầu, bạch cầu - Mô hình cấu tạo người - Bình sắc ký		- 01 - 01 - 01 - 02 - 01 - 01 - 01 - 01 - 01 - 01 - 01 - 01 - 01 - 05 - 04 - 05 - 01 - 01 - 01 - 01 - 01 - 01 - 01 - 01 - 01 - 08 - 08 - 10 - 10 - 10 - 14 - 05 - 01 - 02		Các học phần KHTN, Khối kiến thức cơ sở ngành, ngành và chuyên ngành			

	- Máy đếm hồng cầu - Mẫu huyết thanh - Tủ lắc vi sinh - Kính hiển vi - Tủ lạnh bảo quản vaccine - Kính hiển vi soi nổi và hệ TV mầu Novel - Kính hiển vi có camera - Tủ vô trùng - Máy đếm khuẩn lạc - Tủ sấy - Tủ ấm - Hộp bảo quản vắc xin - Máy đo độ ồn phân tích - Máy đo độ rung Extech - Thiết bị lấy mẫu nước theo tầng loại ngang - Thiết bị lấy mẫu nước theo tầng loại dọc - Thiết bị lấy mẫu bùn trầm tích - Máy đo lưu tốc dòng chảy - Máy đo thông số khí tượng cầm tay - Thùng bảo quản mẫu Dung tích 20 lít - Máy lắc bình tam giác - Bể ổn nhiệt - Máy lắc Vortex STUART - Máy phân tích hàm lượng dầu trong nước - Thiết bị đo chất lượng nước đa chỉ tiêu cầm tay - Máy đo độ đục để bàn		- 01 - 05 - 01 - 02 - 01 - 02 - 03 - 01 - 01 - 01 - 01 - 02 - 05 - 02 - 01 - 02 - 01 - 01 - 01 - 01 - 08 - 01 - 01 - 01 - 01 - 01 - 01					

	- Máy đo độ PH để bàn - Máy phân tích đất - Hệ thống phân tích BOD - Tủ bảo quản mẫu - Cân phân tích 5 số lẻ - Máy cất nước hai lần - Quang phổ kế - Quang phổ kế so màu - Máy trắc định protein - Máy khuấy - Nồi hấp tiệt trùng - Máy đo bụi môi trường - Máy đo khí độc - Thiết bị đo COD (đo màu) - Máy lọc nước siêu tinh khiết - Giàn làm mát không khí - Điều hoà công nghiệp - Quạt điều hoà gió - Quạt thông gió - Bộ giá sắt - Máy tạo áp suất nước - Máy bơm. - Máy hút ẩm - Giá nuôi cấy mô - Box cấy - Nồi hấp - Máy đo pH để bàn - Máy khuấy từ gia nhiệt - Tủ sấy - Cân kỹ thuật - Cân điện tử - Giàn giá đa năng - Xe đẩy - Hệ thống lọc RO		- 01 - 01 - 01 - 02 - 02 - 02 - 02 - 01 - 01 - 02 - 02 - 01 - 01 - 03 - 01 - 01 - 03 - 06 - 03 - 16 - 01 - 01 - 03 - 27 - 11 - 02 - 01 - 01 - 01 - 01 - 01 - 15 - 15 - 02					

	- Tủ lạnh - Bộ pipet		- 03 - 03					

II. Kết quả đánh giá năng lực tổ chức thực hiện chương trình đào tạo

- Đội ngũ giảng viên: Đáp ứng.
- Cơ sở vật chất, học liệu và hạ tầng công nghệ: Đáp ứng.
- Hoạt động nghiên cứu khoa học (nếu có yêu cầu): Đáp ứng.
- Các điều kiện bảo đảm chất lượng khác: Đáp ứng.

Kết luận: Đủ điều kiện đề nghị phê duyệt tổ chức thực hiện chương trình đào tạo.

Trường Đại học Tân Trào cam kết các thông tin trong Báo cáo đánh giá về năng lực tổ chức thực hiện chương trình đào tạo của cơ sở là trung thực, chính xác, đầy đủ; đã được cập nhật trên hệ thống cơ sở dữ liệu chuyên ngành về giáo dục đại học (HEMIS) và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung Báo cáo này.

Người lập báo cáo

TS. Hoàng Thị Thu Hoàn

HIỆU TRƯỞNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂN TRÀO

TS. Nguyễn Minh Anh Tuấn